

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

BẢN SAO

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

1/2/2011

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 147/2004-TT ngày 13/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2629/QĐ-BGTVT ngày 01/09/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4106000085 ngày 24/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Ngày 03 tháng 6 năm 2010 theo Quyết định số 1569/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty đã đăng ký lại và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên số 0300450289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010 có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 08 năm 2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: TRANSPORT INVESTMENT COOPERATION AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: TRACIMEXCO.

Trụ sở chính của Công ty tại số 36 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Trần Khoa	Chủ tịch
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Trung	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Bùi Như Lạc	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/01/2015)
	Ông Lê Quý Nghĩa	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09/02/2015)
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó tổng Giám đốc
	Ông Bùi Anh Tuấn	Phó tổng Giám đốc
	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 03 tháng 02 năm 2015, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0300450289. Vốn điều lệ là 237.350.000.000 VND (Hai trăm ba mươi bảy tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

Theo nhận định của Ban Giám đốc, ngoại trừ yếu tố đã được nêu ở trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tại ngày phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải đã được chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, do đó Báo cáo tài chính kèm theo được ký bởi Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải (đơn vị kế thừa các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải).

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Quý Nghĩa
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2015

Số: 83/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM/HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và
Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, được lập ngày 5 tháng 3 năm 2015, từ trang 5 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 02/02/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 02 tháng 02 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán và Kiểm toán viên khác với ý kiến chấp nhận từng phần. Cụ thể như sau:

- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán, và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2014. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn cần trích bổ sung với số tiền lần lượt là 6.358.488.488 đồng và 13.110.010.437 đồng. Theo đó, khoản mục “dự phòng nợ phải thu khó đòi”; “dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 được trình bày thấp hơn với số tiền là 6.358.488.488 đồng và 13.110.010.437 đồng; Và đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014, khoản mục “chi phí quản lý doanh nghiệp” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền 19.468.498.925 đồng.
- Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014; Công ty đã ghi tăng tài sản cố định là “Dây chuyền sàng đá” đã hoàn thành và đi vào sử dụng đã lâu với số tiền là 12.352.362.434 đồng, nhưng Công ty không thực hiện việc tính khấu hao lũy kế từ khi tài sản đi vào sử dụng đến thời điểm 31/03/2014. Theo đó, khoản mục “Khấu hao lũy kế” trên bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014 và chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014 đang bị ghi nhận thiếu một khoản chi phí khấu hao. Tài sản này đã được đưa vào sử dụng từ năm 1996, tuy nhiên do hạn chế về hồ sơ chứng từ quyết toán nên Công ty chưa ghi nhận tăng tài sản và trích khấu hao. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng chưa có đầy đủ hồ sơ chứng từ kế toán để đánh giá những ảnh hưởng (nếu có) của việc ghi nhận tăng tài sản cố định và chi phí khấu hao lũy kế nêu trên.

Kiểm toán viên cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015 đã xem xét và đánh giá vấn đề này và thấy rằng không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (TP. HÀ NỘI)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Tiên Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2013-075-1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 02 tháng 02 năm 2015

TÀI SẢN	MS	TM	02/02/2015	01/04/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		102.136.406.616	96.518.336.008
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41.144.997.033	20.337.895.073
1. Tiền	111		10.866.941.477	7.337.895.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.278.055.556	13.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.077.977.872	66.184.894.900
1. Phải thu khách hàng	131		10.051.113.543	29.231.896.736
2. Trả trước cho người bán	132		4.717.160.320	3.223.206.825
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	20.309.704.009	33.729.791.339
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	10.135.066.813	69.809.534
1. Hàng tồn kho	141		10.135.066.813	69.809.534
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		15.778.364.898	9.925.736.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	603.297.222	219.296.980
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.615.021.546	7.893.761.377
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.5	51.816.530	325.544.076
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	4.508.229.600	1.487.134.068
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		272.767.643.918	346.246.325.963
I Các khoản phải thu dài hạn	210		23.009.117.727	83.009.117.727
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	23.009.117.727	83.009.117.727
II Tài sản cố định	220		65.860.026.926	61.934.326.887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	23.742.326.104	19.823.142.422
- Nguyên giá	222		43.434.086.793	38.451.377.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.691.760.689)	(18.628.235.278)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	14.677.234.000	14.677.234.000
- Nguyên giá	228		14.712.434.000	14.712.434.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.200.000)	(35.200.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	27.440.466.822	27.433.950.465
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		181.826.390.919	199.583.464.628
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	5.092.502.316	3.119.528.656
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.12	171.308.969.146	184.009.189.611
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.13	5.424.919.457	12.454.746.361
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.072.108.346	1.719.416.721
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	1.072.108.346	719.416.721
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.15	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		374.904.050.534	442.764.661.971

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 02 tháng 02 năm 2015

NGUỒN VỐN	MS	TM	02/02/2015	01/04/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		135.537.566.768	205.438.124.030
I- Nợ ngắn hạn	310		60.270.595.791	169.301.580.194
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.16	14.408.411.060	23.609.985.487
2. Phải trả người bán	312		6.602.336.498	25.601.589.578
3. Người mua trả tiền trước	313		1.121.202.751	463.850.424
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.17	3.359.038.988	2.280.498.275
5. Phải trả người lao động	315		870.940.273	887.875.271
6. Chi phí phải trả	316		1.083.387.982	708.387.982
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	5.18	31.596.876.649	115.636.687.837
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.228.401.590	112.705.340
II- Nợ dài hạn	330		75.266.970.977	36.136.543.836
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	54.826.132.309	15.695.705.168
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	20.440.838.668	20.440.838.668
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		239.366.483.766	237.326.537.941
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	239.366.483.766	237.326.537.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		156.904.619.531	156.904.619.531
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		80.421.918.410	80.421.918.410
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		617.430.349	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		221.053.476	-
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		1.201.462.000	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		374.904.050.534	442.764.661.971

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



Nguyễn Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	20.199.888.370
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	20.199.888.370
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	18.422.433.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.777.454.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	1.964.114.681
7. Chi phí tài chính	22	5.25	11.530.995.481
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.26	21.849.616.352
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(29.639.042.685)
11. Thu nhập khác	31	5.27	38.142.185.946
12. Chi phí khác	32	5.27	4.782.946.649
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		33.359.239.297
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.720.196.612
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.425.520.041
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.294.676.571

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



Lê Quý Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	3.720.196.612
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.063.525.411
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	154.254.216
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(26.908.034.254)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	(21.970.058.015)
- Tăng các khoản phải thu	9	83.560.885.582
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(10.065.257.279)
- Tăng các khoản phải trả	11	(18.575.091.163)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(736.691.867)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.915.169.205)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	30.298.618.053
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.989.225.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(4.989.225.450)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	4.853.538.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.355.828.643)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(4.502.290.643)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	20.807.101.960
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	20.337.895.073
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	41.144.997.033

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải được thành lập theo Quyết định số 147/2004-TT ngày 13/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2629/QĐ-BGTVT ngày 01/09/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4106000085 ngày 24/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Ngày 03 tháng 6 năm 2010 theo Quyết định số 1569/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty đã đăng ký lại và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên số 0300450289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010 có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 08 năm 2013.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: TRANSPORT INVESTMENT COOPERATION AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: TRACIMEXCO.

Trụ sở chính của Công ty tại số 36 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đầu lọc thuốc lá. Mua bán các chất diệt khuẩn, côn trùng trong gia đình (không sản xuất tại trụ sở và trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình giao thông bằng vật liệu mới;
- Sản xuất xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: sản xuất chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: mua bán xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ), (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: dạy nghề ngắn hạn, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
-

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; sản xuất xe có động cơ; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

2. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ HOẠT ĐỘNG**

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015.

3. **CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh..

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất là lâu dài và không tính khấu hao

Phần mềm kế toán

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát thể hiện ở việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết tại Công ty con, có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận; có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương; có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Đầu tư liên doanh, liên kết

Các công ty liên kết là các công ty mà Công ty có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể nhưng không nắm quyền kiểm soát, thông thường Công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết.

Công ty liên doanh là hợp đồng liên doanh trong đó Công ty và các đối tác khác thực hiện các hoạt động kinh tế trên cơ sở thiết lập quyền kiểm soát chung.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong kỳ hoạt động, có 0 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.993.162.827	1.658.679.700
Tiền gửi ngân hàng	7.873.778.650	5.679.215.373
Các khoản tương đương tiền (*)	30.278.055.556	13.000.000.000
Tổng	41.144.997.033	20.337.895.073

(*) Các khoản tương đương tiền trình bày các khoản ký cược, ký quỹ tại các ngân hàng thương mại với thời gian đáo hạn dưới 3 tháng.

5.2 Các khoản phải thu khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	1.178.000.000	-
Phải thu khác	19.131.704.009	33.729.791.339
Tổng	20.309.704.009	33.729.791.339

5.3 Hàng tồn kho

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.936.000.000	-
Hàng hoá	8.129.257.279	-
Hàng gửi đi bán	69.809.534	69.809.534
Tổng	10.135.066.813	69.809.534

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	603.297.222	219.296.980
Tổng	603.297.222	219.296.980

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	273.727.546
Các khoản thuế khác nộp thừa	51.816.530	51.816.530
Tổng	51.816.530	325.544.076

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Tạm ứng	2.666.770.200	1.451.993.873
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.841.459.400	35.140.195
Tổng	4.508.229.600	1.487.134.068

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Phải thu dài hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Công ty CP Thương mại Đầu tư và PT Nguồn nhân lực (*)	23.009.117.727	83.009.117.727
Tổng	23.009.117.727	83.009.117.727

(*) Đây là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (HRI) theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh Bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/12/2010 có nội dung như sau: Công ty hiện đang thực hiện nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 82.569.000.000 đồng. Hai bên thống nhất cùng hợp tác kinh doanh bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên tắc như sau: Hai bên cùng góp vốn để nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư và kinh doanh có lãi.

Trách nhiệm của mỗi bên:

+ Trách nhiệm của Công ty (bên A):

- *Thực hiện các thủ tục ủy quyền để Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B) đứng tên trong hợp đồng nhận chuyển nhượng.*
- *Đóng tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.*
- *Phối hợp cùng với bên B lập dự án đầu tư hoặc phương án chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.*

+ Trách nhiệm của Công ty phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B):

- *Ký hợp đồng nhận chuyển nhượng với chủ sở hữu bất động sản nêu trên theo giá mà bên B đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc ngày 25 tháng 05 năm 2010.*
- *Đóng đầy đủ và đúng hạn số tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.*
- *Lập phương án đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản nêu trên để hai bên xem xét quyết định.*

Trong kỳ hoạt động, Công ty đã thực hiện thanh lý hợp đồng hợp tác nêu trên và thu hồi khoản đầu tư. Số dư tại ngày 02/02/2015 là 23.009.117.727 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 01/04/2014	16.757.564.963	14.931.060.616	6.737.443.940	25.308.181	38.451.377.700
Tăng trong kỳ	-	-	4.947.209.093	35.500.000	4.982.709.093
Mua trong kỳ	-	-	4.947.209.093	35.500.000	4.982.709.093
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm theo TT45	-	-	-	-	-
Số dư tại 02/02/2015	16.757.564.963	14.931.060.616	11.684.653.033	60.808.181	43.434.086.793
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/04/2014	3.369.036.027	11.944.848.493	3.301.696.667	12.654.091	18.628.235.278
Tăng trong kỳ	477.888.039	-	576.540.862	9.096.510	1.063.525.411
Khấu hao trong kỳ	477.888.039	-	576.540.862	9.096.510	1.063.525.411
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm theo TT45	-	-	-	-	-
Số dư tại 02/02/2015	3.846.924.066	11.944.848.493	3.878.237.529	21.750.601	19.691.760.689
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/04/2014	13.388.528.936	2.986.212.123	3.435.747.273	12.654.090	19.823.142.422
Tại 02/02/2015	12.910.640.897	2.986.212.123	7.806.415.504	39.057.580	23.742.326.104



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dung đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/04/2014	14.677.234.000	35.200.000	14.712.434.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 02/02/2015	<u>14.677.234.000</u>	<u>35.200.000</u>	<u>14.712.434.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/04/2014	-	35.200.000	35.200.000
Tăng trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 02/02/2015	<u>-</u>	<u>35.200.000</u>	<u>35.200.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/04/2014	<u>14.677.234.000</u>	<u>-</u>	<u>14.677.234.000</u>
Tại 02/02/2015	<u>14.677.234.000</u>	<u>-</u>	<u>14.677.234.000</u>

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	02/02/2015 VND	01/04/2014 VND
Văn phòng số 36 đường Bạch Đằng (Văn phòng công ty)	594.146.866	587.630.506
Chi phí thuê chuyên gia(CN Cần Thơ)	69.000.000	69.000.000
Chi đền bù giải phóng mặt bằng (CN Cần Thơ)	22.295.527.220	22.295.527.220
Chi cho các hợp đồng dịch vụ (CN Cần Thơ)	2.501.364.541	2.501.364.541
Chi phí quản lý (CN Cần Thơ)	1.980.428.195	1.980.428.198
Tổng	<u>27.440.466.822</u>	<u>27.433.950.465</u>

5.11 Đầu tư vào công ty con

	02/02/2015 VND	01/04/2014 VND
Cty TNHH MTV XNK & HTĐT GTVT Hà nội (Trung tâm HTLD NN)	5.092.502.316	3.119.528.656
Tổng	<u>5.092.502.316</u>	<u>3.119.528.656</u>

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con

	02/02/2015		01/04/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV XNK & HTĐT GTVT Hà nội (Trung tâm HTLD NN)	100%	5.092.502.316	100%	3.119.528.656

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	171.308.969.146	184.009.189.611
Công ty TNHH LD Sản xuất Ô tô Ngôi sao	142.637.574.311	142.637.574.312
Công ty CP Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	13.732.576.833	13.732.576.833
Công ty CP TM Ô tô Nam Phong	3.692.811.362	5.800.000.000
Công ty CP Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco - Bắc Cạn	10.364.618.173	18.557.650.000
Cty CP ĐT & PT Nguồn Nhân Lực	881.388.467	3.281.388.466
Tổng	171.308.969.146	184.009.189.611

Chi tiết các khoản đầu tư công ty liên kết

	02/02/2015		01/04/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Công ty TNHH LD Sản xuất Ô tô Ngôi sao	25%	142.637.574.311	25%	142.637.574.312
Công ty CP Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	17.8%	13.732.576.833	17.8%	13.732.576.833
Công ty CP TM Ô tô Nam Phong	29%	3.692.811.362	29%	5.800.000.000
Công ty CP Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco - Bắc Cạn	42.63%	10.364.618.173	42.63%	18.557.650.000
Cty CP ĐT & PT Nguồn Nhân Lực	4.49%	881.388.467	45.22%	3.281.388.466

5.13 Đầu tư dài hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn (Góp vốn):	5.424.919.457	12.454.746.361
Công ty CP Ô tô Giang Hoài	3.274.746.361	3.274.746.361
Công ty CP Ô tô Jac VN	2.150.173.096	9.180.000.000
Tổng	5.424.919.457	12.454.746.361

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

	02/02/2015		01/04/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác				
Công ty CP Ô tô Giang Hoài	10%	3.274.746.361	10%	3.274.746.361
Công ty CP Ô tô Jac VN	4.96%	2.150.173.096	17%	9.180.000.000

5.14 Chi phí trả trước dài hạn

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.072.108.346	193.127.011
Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ	-	443.098.528
Giá trị lợi thế kinh doanh - định giá doanh nghiệp	-	83.191.182
Tổng	1.072.108.346	719.416.721

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Tài sản dài hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Ký quỹ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng	1.000.000.000	1.000.000.000

5.16 Vay và nợ ngắn hạn

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	12.313.508.997	21.542.652.429
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội - VND	-	371.178.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Nội - USD	9.777.074.000	10.818.000.827
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - USD	696.894.997	687.279.281
Ngân hàng TMCP Công thương Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	7.836.389.321
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Tp. Hồ Chí Minh (Chi nhánh Đồng Nai chuyển về)	1.134.000.000	1.134.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội chuyển về)	705.540.000	695.805.000
Vay cá nhân và các tổ chức phi tín dụng	2.094.902.063	2.067.333.058
Tổng	14.408.411.060	23.609.985.487

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	163.170.858	27.981.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.151.792.495	-
Thuế thu nhập cá nhân	74.658	40.812.066
Thuế tài nguyên	32.395.820	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.011.605.157	2.211.704.269
Tổng	3.359.038.988	2.280.498.275

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.18 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	9.254.280
BHXH, BHYT, BHTN	57.026.613	4.711.824
Lãi vay NH Nông nghiệp & PT nông thôn VN	-	25.538.520.849
Lãi vay NH TMCP Công thương VN	-	19.421.366.374
Lãi vay và phạt chậm nộp NH ĐT PT Bình Định	-	18.614.876.075
Phải trả Sasco tiền góp vốn thực hiện khu dân cư Cần Thơ	30.040.240.000	30.040.240.000
Phải trả thu chi hộ người lao động XKLD	-	2.396.207.391
Nhận ký quỹ, ký cược người lao động đi XKLD	-	661.528.223
Thuế lô hàng ô tô nhập khẩu 07xe N2005 và 27xe N2004	-	4.817.514.004
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.499.610.036	14.132.468.817
Tổng	31.596.876.649	115.636.687.837

5.19 Phải trả dài hạn khác

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Phải trả dài hạn khác	54.826.132.309	15.695.705.168
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.043.092.171	12.043.092.171
Lãi vay NH Nông nghiệp & PT nông thôn VN	12.849.076.010	-
Lãi vay và phạt chậm nộp NH ĐT PT Bình định	18.614.876.075	-
Phải trả thu chi hộ người lao động XKLD	3.652.612.997	3.652.612.997
Lãi vay NHĐT PT TP.HCM	3.188.036.074	-
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	4.478.438.982	-
Tổng	54.826.132.309	15.695.705.168

5.20 Vay và nợ dài hạn

	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Vay tổ chức tín dụng	20.261.955.102	20.261.955.102
NH ĐTPT Bình Định - Dự án ODA Máy nghiền sàng đá (XN KTĐ NT)	20.261.955.102	20.261.955.102
Vay cá nhân	178.883.566	178.883.566
Tổng	20.440.838.668	20.440.838.668

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	Tổng
Số dư tại 01/04/2014	156.904.619.531	80.421.918.410	-	-	-	237.326.537.941
Tăng trong kỳ	-	-	624.151.743	2.294.676.571	1.201.462.000	4.120.290.314
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	2.294.676.571	-	2.294.676.571
Phân phối lợi nhuận	-	-	624.151.743	-	-	624.151.743
Tăng khác	-	-	-	-	1.201.462.000	1.201.462.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.080.344.489	-	2.080.344.489
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	1.848.697.993	-	1.848.697.993
Giảm khác	-	-	-	231.646.496	-	231.646.496
Số dư tại 02/02/2015	156.904.619.531	80.421.918.410	624.151.743	214.332.082	1.201.462.000	239.366.483.766



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015

VND

Doanh thu bán hàng hóa	13.990.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.209.888.370
Tổng	20.199.888.370

5.23 Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015

VND

Giá vốn bán hàng hóa	13.359.305.081
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.063.128.822
Tổng	18.422.433.903

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015

VND

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.724.013.589
Thu từ chuyển nhượng vốn	240.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	101.092
Tổng	1.964.114.681

5.25 Chi phí tài chính

Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015

VND

Lỗ do đánh giá các khoản đầu tư	10.830.047.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	700.948.112
Tổng	11.530.995.481

5.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015

VND

Chi phí nhân viên quản lý	9.044.154.525
Chi phí vật liệu quản lý	74.068.830
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.588.302
Chi phí khấu hao TSCĐ	997.440.070
Thuế, phí và lệ phí	16.473.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.112.157.826
Chi phí bằng tiền khác	7.287.733.799
Tổng	21.849.616.352

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.27 Lợi nhuận khác

**Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015
VND**

Thu nhập khác

Thu nhập do lãi & đánh giá lại TS cổ phần hóa tại THTLĐNN	2.198.567.069
Thu nhập do xử lý công nợ khó đòi lâu năm	95.698.068
Thu nhập do được giảm khoản lãi vay phải trả NH & giảm thuế NK	35.765.107.963
Thu nhập khác	82.812.846
Tổng	38.142.185.946

Chi phí khác

Chi phí khấu hao xe vượt định mức	66.085.340
Thuế nộp thêm theo QT thuế, phạt chậm nộp	4.716.631.368
Các chi phí khác	229.941
Tổng	4.782.946.649
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	33.359.239.297

5.28 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

**Từ ngày 01/04/2014
đến ngày 02/02/2015
VND**

Lợi nhuận kế toán	3.720.196.612
Các khoản điều chỉnh tăng	4.732.413.600
- Chi phí khấu hao vượt mức xe 1,6 tỷ	66.085.340
- Chi phí phạt vi phạm về thuế	4.666.328.260
Các khoản điều chỉnh giảm	1.972.973.660
- Thu nhập từ đánh giá lại TS cổ phần hóa	1.972.973.660
Thu nhập chịu thuế	6.479.636.552
Thu nhập tính thuế	6.479.636.552
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.425.520.041

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 và 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	02/02/2015	01/04/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.144.997.033	20.337.895.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.360.817.552	62.961.688.075
Đầu tư tài chính dài hạn	5.424.919.457	12.454.746.361
Tài sản tài chính khác	2.841.459.400	1.035.140.195
Tổng	79.772.193.442	96.789.469.704
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	34.849.249.728	44.050.824.155
Phải trả người bán và phải trả khác	93.025.345.456	156.933.982.583
Chi phí phải trả	1.083.387.982	708.387.982
Tổng	128.957.983.166	201.693.194.720

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro về giá

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2014 đến ngày 02/02/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Tại 02/02/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	38.199.213.147	54.826.132.309	93.025.345.456
Chi phí phải trả	1.083.387.982	-	1.083.387.982
Các khoản vay	14.408.411.060	20.440.838.668	34.849.249.728
Tại 01/04/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	141.238.277.415	15.695.705.168	156.933.982.583
Chi phí phải trả	708.387.982	-	708.387.982
Các khoản vay	23.609.985.487	20.440.838.668	44.050.824.155

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính

Tại 02/02/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.144.997.033	-	41.144.997.033
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.360.817.552	-	30.360.817.552
Đầu tư tài chính khác	-	5.424.919.457	5.424.919.457
Tài sản tài chính khác	1.841.459.400	1.000.000.000	2.841.459.400
Tại 01/04/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.895.073	-	20.337.895.073
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.961.688.075	-	62.961.688.075
Đầu tư tài chính khác	-	12.454.746.361	12.454.746.361
Tài sản tài chính khác	35.140.195	1.000.000.000	1.035.140.195

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng cân đối kế toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 036312

Quyển số: 036312

Ngày: 02/02/2015

SCT/BS

Lê Quang Tuấn

PHƯỜNG 4
QUẬN 4
TP. HỒ CHÍ MINH

Vũ Hoàng Dũng



Lê Quý Nghĩa

Lê Quang Tuấn

Chấn Hưng Chiến